

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂM ĐÔNG 1**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TAM ĐÔNG 1

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đoàn Thị Hương Giang	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Đỗ Thanh Trang	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Trịnh Thị Hồng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Thị Lệ Hoa	Giáo viên	Thư ký hội đồng	
5	Huỳnh Thanh Bảo	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Huỳnh Minh Hiếu	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Lệ Kha	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Hùng Cường	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
9	Trần Thị Cúc	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
10	Trần Thị Hồng Thanh	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
11	Trần Phương Toán	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
12	Lưu Thanh Liêm	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
13	Từ Tấn Đạt	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
14	Nguyễn Tấn Cường	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
15	Trần Thị Ngân	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
16	Đỗ Ngọc Thái	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
17	Mai Thị Tuyết Hằng	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	7
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	7
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	9
Mở đầu	10
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	10
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	12
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	13
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	16
Tiêu chí 1.5: Lớp học	18
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	19
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	21
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	23
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	24
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	25
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	28
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	28
Mở đầu	28
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	29
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	30
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	32
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	35

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	36
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	37
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	39
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	40
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	42
Tiêu chí 3.6: Thư viện	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	45
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	46
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	50
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	51
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	54
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	55
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	57
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	59
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	64
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	65
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	-	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	-
Tiêu chí 1.4		X	X	-
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	-	-
Tiêu chí 1.8		X	-	-
Tiêu chí 1.9		X	-	-
Tiêu chí 1.10		X	-	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	-	-
Tiêu chí 2.4		X	X	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-
Tiêu chí 3.4		X	-	-
Tiêu chí 3.5		X	-	-
Tiêu chí 3.6		X	-	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	-	-
Tiêu chí 4.2		X	-	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	-	-
Tiêu chí 5.2		X	-	-
Tiêu chí 5.3		X	-	-
Tiêu chí 5.4		X	-	-
Tiêu chí 5.5		X	-	-
Tiêu chí 5.6		X	X	-

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1

Tên trước đây: Trường cấp 1, 2 Tam Đông

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Đoàn Thị Hương Giang
Huyện	Hóc Môn	Điện thoại	0838914557
Xã	Thới Tam Thôn	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcstamdong1.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường	1996	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp

Số lớp	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021
Khối lớp 6	12	12	13	13	11
Khối lớp 7	10	11	11	11	12
Khối lớp 8	11	10	10	10	11
Khối lớp 9	8	09	09	09	10
Cộng	41	42	43	43	44

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	40	40	40	40	40
1	Phòng học	32	32	32	32	32
a	Phòng kiên cố	32	32	32	32	32
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00

c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
2	Phòng học bộ môn	06	06	06	06	06
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
3	Khối phục vụ học tập	02	02	02	02	02
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
II	Khối phòng hành chính - quản trị	09	09	09	09	09
1	Phòng kiên cố	09	09	09	09	09
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	02	02	02	02	02
	Cộng	52	52	52	52	52

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: từ ngày 01 tháng 02 năm 2021

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	01	00	00	
Phó hiệu trưởng	02	02	01	01	01	00	
Giáo viên	56	46	03	50	02	04	
Nhân viên	15	08	00	07	00	08	
Cộng	74	57	04	59	03	12	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021
Tổng số giáo viên	60	64	64	63	64
Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,46	1,52	1,49	1,47	1,45
Tỷ lệ giáo	0,03	0,04	0,03	0.03	0.03

viên/học sinh					
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	02	01	05	06	01
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021
1	Tổng số học sinh	1796	1.536	1.987	2.033	1.987
	Nữ	875	723	969	1059	942
	Dân tộc thiểu số	30	21	32	34	34
	Khối lớp 6	566	532	595	593	486
	Khối lớp 7	461	382	517	546	551
	Khối lớp 8	457	303	474	465	518
	Khối lớp 9	312	319	401	429	432
2	Tổng số tuyển mới	566	591	594	593	497
3	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00
4	Bán trú	00	00	00	00	00
5	Nội trú	00	00	00	00	00
6	Bình quân số học sinh/lớp học	43,80	36,57 HS	46,21 HS	47,28 HS	45,16 HS
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1.586HS 88,31%	1.280 HS 83,33%	1.789 HS 90,03%	1.932 HS 95,03%	1.957 HS 98,49%
	Nữ	785	638	618	974	942
	Dân tộc thiểu số	16	17	29	34	34
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện /tỉnh (nếu có)	04/00	02/00	08/00	01/00	04/01
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng	17	10	10	15	37

	chính sách					
	Nữ	07	00	05	05	10
	Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	05	22	08	09	05
	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	29,67%	31,50%	30,80%	27,60%	44,40
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	35,69%	35,60%	37,70%	38,10%	36,34%
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	7,07%	5,40%	2,70%	8,30%	2,00%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	85,91%	88,20%	90,60%	87,70%	93,36%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	12,86%	10,70%	8,50%	11,40%	5,99%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,22%	1,10%	0,90%	0,80%	0,70%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường

Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 tọa lạc tại số 550 đường Nguyễn Thị Ngâu, ấp Trung Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là trường công lập được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-UB-TC ngày 23 tháng 10 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn từ năm 1996 trên cơ sở tách từ Trường cấp 1, 2 Tam Đông. Sau 25 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục, trường đã có những bước phát triển bền vững.

Trong năm học 2020 - 2021, trường có 74 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được chia thành 14 tổ chuyên môn (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, Công nghệ, Tin học, Thể dục, Mỹ thuật - Âm nhạc - Giáo dục công dân) và 01 tổ văn phòng.

Trường có 42 lớp (Lớp 6: 10 lớp; Lớp 7: 10 lớp; Lớp 8: 11 lớp; Lớp 9: 11 lớp) với 1889 học sinh. Trong đó (Khối 6: 394 học sinh; Khối 7: 472 học sinh; Khối 8: 538 học sinh; Khối 9: 485 học sinh).

Trường có Chi bộ Đảng với 28 đảng viên, Công đoàn cơ sở với 74 công đoàn viên và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 25 đoàn viên. Về cơ sở vật chất: Trường có 32 phòng học, 19 phòng chức năng. Tổng diện tích sử dụng 9678 m².

Trong những năm qua, trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong huyện. Trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi năm, trường có giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện và có cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Thành phố. Hằng năm, trường đều có học sinh được công nhận “Học sinh giỏi cấp huyện”, “Học sinh giỏi cấp Thành phố”.

Năm học 2015 - 2016, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, trường được đoàn đánh giá ngoài đánh giá đạt Cấp độ 1. Từ năm học 2016 - 2017 trường tiếp tục phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu thực hiện báo cáo tự đánh giá theo quy định mới về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 xem việc kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường bước đầu giúp cho cán bộ quản lý nói riêng và toàn bộ đội ngũ sư phạm nhà trường nói chung nhìn thấy được những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường, trong việc xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ một cách thực chất, đồng thời cũng giúp cho Hội đồng trường có cơ hội đánh giá hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành thực hiện trong nhiều năm qua.

Mục đích của tự đánh giá là nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, để công khai với các cơ quan chức năng, xã hội về chất lượng giáo dục của nhà trường, để từ đó cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá là toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá, năm 2020

tiếp tục tập huấn công tác tự đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT) theo quy trình.

Về phạm vi tự đánh giá: Quy trình tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông gồm 7 bước được quy định tại Điều 23, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông làm công cụ đánh giá.

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 17 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cán bộ quản lý: 03, Chủ tịch Công đoàn: 01, Bí thư Chi đoàn: 01, Tổng phụ trách: 01, Thư ký hội đồng: 01, Kế toán: 01, Tổ trưởng tổ chuyên môn: 09, Tổ trưởng văn phòng: 01. Hội đồng tự đánh giá phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo chức năng và năng lực. Đồng thời, thành lập các nhóm công tác và nhóm Thư ký, mỗi nhóm công tác do một thành viên hội đồng tự đánh giá làm nhóm trưởng.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Cơ cấu tổ chức và công tác quản lý của trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 thường xuyên được cải tiến, điều chỉnh, bổ sung phù hợp quy định của Điều lệ trường trung học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh phấn đấu dạy tốt, học tốt, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 có Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua -

Khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, các tổ chuyên môn, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh, có đủ giáo viên dạy tất cả các môn học. Các tổ chức, hội đồng, ... hoạt động đúng theo quy định của điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Trường thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở được quy định tại Luật Giáo dục, được sự đồng thuận của Hội đồng trường, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Cụ thể đã tập trung vào 04 nội dung trọng tâm: Giáo dục đạo đức học sinh; Nâng cao chất lượng giảng dạy; Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ viên chức và người lao động; Được tập thể đồng tình và quyết tâm thực hiện [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường đã nêu bật được đặc điểm tình hình của đơn vị, nhiệm vụ, giải pháp và cách thức thực hiện, được Trường phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển của nhà trường được công bố công khai dưới hình thức đăng tải trên website: thcstamdong1.hcm.edu.vn, thông qua trong cuộc họp Hội đồng sư phạm và niêm yết tại văn phòng nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai đến tập thể Hội đồng sư phạm nhà trường, để mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thể theo dõi, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình thực hiện. Dựa vào báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm để đề ra kế hoạch, phương hướng cho những năm tiếp theo [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, trên cơ sở đánh giá kết quả mọi hoạt động, nhà trường rà soát, bổ sung chiến lược phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Từ đó, nhà trường tiếp tục điều chỉnh phương hướng chiến lược thực hiện trong những năm tiếp theo [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục, với tình hình thực tiễn địa phương, được sự đồng thuận của tập thể Hội đồng sư phạm và quyết tâm thực hiện.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh quá đông ảnh hưởng đến chiến lược phát triển nhà trường. Các giải pháp giám sát thực hiện còn chung chung, chưa cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, nhà trường tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phân tuyến giảm số lượng học sinh, đồng thời rà soát, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường từ năm 2021 đến năm 2026 theo định hướng thay đổi chương trình và thay sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng xây dựng các giải pháp giám sát cụ thể, xác định trách nhiệm và phân công nhân sự giám sát thường xuyên tiến độ thực hiện. Báo cáo kết quả thực hiện vào cuối năm học để làm cơ sở xây dựng phương hướng bổ sung cho chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

Nhà trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác tổ chức rà soát, đánh giá để cải tiến các hoạt động theo học kỳ và theo năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày tháng năm .. của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn; Hằng năm, nhà trường đều ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, Hội đồng kỷ luật (chỉ thành lập khi có học sinh, giáo viên, nhân viên vi phạm kỷ luật), Hội đồng chấm sáng kiến, Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

b) Nhà trường thành lập Hội đồng trường theo Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011, Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, được Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ra quyết định công nhận [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

c) Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng được nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm nhằm rút kinh nghiệm và có định hướng xây dựng tiêu chí thi đua góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng hoạt động đúng theo quy định và có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định, các hội đồng có cơ cấu tổ chức và hoạt động hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng nhằm kịp thời định hướng xây dựng nội dung thi đua góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tay nghề giáo viên.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường còn một vài thành viên chưa mạnh dạn trong đề xuất xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022 và những năm về sau nhà trường tiếp tục duy trì, phát huy các mặt mạnh của các hội đồng để giữ vững những thành tích đã đạt được. Đây mạnh hoạt động của Hội đồng trường theo đúng Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng chỉ đạo phát huy tính chủ động của từng thành viên trong các buổi họp Hội đồng trường qua việc thay đổi hình thức triển khai một chiều bằng hoạt động báo cáo từ từng bộ phận cũng như góp ý cho dự thảo kế hoạch để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đồng thời, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản

Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể trong nhà trường được cơ cấu và tổ chức theo qui định như sau: Công đoàn cơ sở có 74 công đoàn viên (Ban chấp hành công đoàn gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Trưởng ban nữ công, 02 ủy viên); Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 25 đoàn viên (Ban chấp hành Chi đoàn gồm: 01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 ủy viên); Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ chí Minh có 1889 đội viên (Ban chấp hành Đội gồm: 01 Liên đội trưởng, 02 Liên đội phó, 08 ủy viên). Cơ cấu tổ chức các đoàn thể theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hằng năm các đoàn thể đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo quy định và định kỳ rà soát, đánh giá các hoạt động thực hiện theo kế hoạch [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

b) Hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được thực hiện theo các quy định hiện hành. Hằng tháng, các tổ chức tiến hành họp định kỳ để kiểm điểm công tác, rút kinh nghiệm công tác tháng trước và triển khai nhiệm vụ công tác của tháng sau nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

c) Cuối mỗi năm học, các tổ chức, các đoàn thể trong nhà trường đều được kiểm tra và đánh giá hoạt động với kết quả cao [H1-1.3-06].

Mức 2:

a) Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chi bộ thực hiện trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ có 28 đảng viên, trong đó cấp ủy gồm 03 đồng chí (01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 chi uỷ viên) lãnh đạo nhà trường [H1-1.3-09]. Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 Chi bộ luôn đạt thành tích từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-10].

b) Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường có nhiều hoạt động phong phú, đáp ứng nhu cầu, quyền lợi của tập thể và đúng chỉ đạo của cấp trên với các nội dung như: chăm lo đời sống công đoàn viên, thăm hỏi công đoàn viên bệnh, hiếu - hỷ; tham gia tốt các phong trào của ngành và Đoàn xã Thới Tam Thôn. Liên đội tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội, các phong trào thiếu nhi cho học sinh, tích cực tham gia tốt các

hoạt động của Hội đồng đội các cấp. Các hoạt động trên đã đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Chi bộ hoạt động trực thuộc Đảng ủy xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn; Các đồng chí trong Chi bộ đều được đánh giá xếp loại Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 03 đồng chí được đánh giá xếp loại Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong 05 năm liên tiếp (từ năm 2017 đến năm 2021) Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 01 đồng chí đạt 05 năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 25 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chi bộ hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-09].

b) Hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và địa phương. Tuy nhiên, còn một vài công đoàn viên, đoàn viên giáo viên, đội viên chưa tích cực chủ động trong các hoạt động. Hằng năm, Liên đội nhà trường tổ chức trao học bổng cho học sinh khó khăn vượt khó, phần nào động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phổ cập giáo dục huyện Hóc Môn. Đồng thời phối hợp với Hội khuyến học xã thực hiện tốt công tác xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập tại đơn vị [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các tổ chức chính trị, đoàn thể tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp cho các hoạt động phong trào của nhà trường, cộng đồng.

3. Điểm yếu

Một số ít công đoàn viên, đoàn viên giáo viên, đội viên chưa tích cực chủ động trong các hoạt động.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể, các Hội đồng hoạt động, phát huy tốt hơn về vai trò của mình. Hiệu trưởng chỉ đạo Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện công tác dân vận nhằm khuyến khích, động viên những công đoàn viên, đoàn viên giáo viên và đội viên chưa chủ động tham gia hoạt động sẽ tích cực hơn trong các hoạt động và phong trào chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đủ số lượng theo cơ cấu tổ chức quy định [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Trường có 09 tổ chuyên môn: tổ Toán, tổ Ngữ văn, tổ Tiếng Anh, tổ Khoa học tự nhiên, tổ Khoa học xã hội, tổ Công nghệ, tổ Tin học, tổ Thể dục, tổ Mỹ thuật - Âm nhạc - Giáo dục công dân và 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng, riêng tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ Tiếng Anh, tổ Khoa học tự nhiên, tổ Khoa học xã hội và tổ Mỹ thuật - Âm nhạc - Giáo dục công dân có thêm 01 tổ phó do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm [H1-1.4-03]. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều 16, và Điều 17 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Điều 14, Điều 15 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học.

c) Các tổ chuyên môn dựa trên kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch theo tuần, tháng, học kỳ và năm học phù hợp với điều kiện và nhân lực của tổ. Các tổ chuyên môn đã thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học. Các tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần với nội dung theo chỉ đạo chuyên môn của phòng Giáo dục và Đào tạo và của Hiệu trưởng. [H1-1.4-04], [H1-1.4-06].

Mức 2:

a) Mỗi năm, tổ chuyên môn của trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và luôn có kế hoạch xây dựng; thực hiện chuyên đề, chuyên môn nhằm đẩy mạnh đổi mới hoạt động chuyên môn theo định hướng chung của ngành và nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05].

b) Tổ văn phòng và các tổ chuyên môn đảm bảo chế độ làm việc, hội họp theo chỉ đạo của Hiệu trưởng, định kỳ 2 lần/tháng. Trong các buổi họp, tổ trưởng đảm bảo tạo điều kiện cho từng thành viên tự đánh giá hoạt động của cá nhân, có hình thức rà soát, nhận xét công việc của tổ với nhiệm vụ được phân công sau đó các tổ tự điều chỉnh cuối mỗi học kỳ [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Luôn có sự cải tiến trong phương thức hoạt động, đóng góp cho việc nâng cao chất lượng của nhà trường về mọi mặt [H1-1.4-07].

b) Từ năm 2016 đến nay, hoạt động xây dựng chuyên đề được duy trì thường xuyên ở các tổ chuyên môn. So với mục tiêu đặt ra của nhà trường là tất cả các tổ đều có chuyên đề nâng cao chất lượng công tác hằng năm, tuy nhiên số lượng chuyên đề của các tổ bộ môn cũng chưa nhiều. Đặc biệt tổ văn phòng chưa xây dựng được chuyên đề cho hoạt động của tổ. Các chuyên đề xây dựng đều mang tính đổi mới, bám sát chỉ đạo, được thực hiện có bài bản và có quy mô, mang tính khả thi có thể áp dụng đại trà. Sau mỗi chuyên đề, đều thực hiện hoạt động rút kinh nghiệm và có kế hoạch ứng dụng vào thực tế những năm tiếp theo. Vì vậy, các chuyên đề được thực hiện rất hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có Hiệu trưởng và có đủ số lượng Phó Hiệu trưởng theo qui định, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động rất hiệu quả, đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Các tổ luôn có sự cải tiến trong phương thức hoạt động, đóng góp cho việc nâng cao chất lượng của nhà trường về mọi mặt.

Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, có ý chí phấn đấu phục vụ cho ngành giáo dục. Trình độ tay nghề chuyên môn của giáo viên khá vững vàng, ổn định.

3. Điểm yếu

Còn một số tổ chuyên môn chưa thực sự đổi mới sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học. Số lượng chuyên đề hằng năm chưa nhiều. Tổ văn phòng chưa xây dựng được chuyên đề cho hoạt động của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ tiếp tục thực hiện nền nếp sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo quy định. Chú trọng nâng cao chất lượng nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, đặc biệt là các buổi thao giảng, dạy học theo chủ đề và báo cáo chuyên đề, tăng cường giúp đỡ các giáo viên còn hạn chế năng lực giảng dạy. Trong những năm học về sau nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các mặt mạnh của các tổ chuyên môn.

Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động các tổ chuyên môn của Hội đồng trường theo đúng Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng chỉ đạo, hỗ trợ tổ văn phòng xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề nhằm nhân rộng điển hình tích cực, đẩy mạnh nhu cầu đổi mới trong công tác của tổ văn phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 04 khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, tại thời điểm đánh giá trường có 1889 học sinh, được tổ chức thành 42 lớp, trung bình 45 học sinh/1 lớp. Mỗi lớp phân công 01 giáo viên chủ nhiệm quản lý, xây dựng nền nếp, thực hiện nội quy nhà trường và theo dõi tình hình học tập của học sinh [H1-1.5-01].

b) Lớp học được biên chế mỗi lớp có đủ các trình độ, cơ cấu tổ chức mỗi lớp học gồm: Một lớp trưởng, hai lớp phó, các tổ trưởng và tổ phó do học sinh trong lớp bầu ra

[H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Học sinh có thể tự quản lớp, bình bầu, theo dõi, giám sát lẫn nhau, quan hệ giữa học sinh với học sinh là cộng tác, phối hợp, trên cơ sở hoạt động cá nhân, các em được hỗ trợ cho nhau qua "Đôi bạn học tốt" [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trường có dưới 45 lớp học, sĩ số học sinh đông nên mỗi lớp học có nhiều hơn 45 học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trường có dưới 45 lớp học, tuy nhiên do đặc thù khu vực, sĩ số học sinh đông nên mỗi lớp học có nhiều hơn 40 học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các khối lớp, lớp học và ban cán sự lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc dân chủ.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh ở một số lớp vượt quá số lượng theo quy định trên 45 học sinh/lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, nhà trường tham mưu kế hoạch tuyển sinh với lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo để giảm bớt sĩ số học sinh đầu cấp.

Tham mưu cho lãnh đạo việc xây thêm phòng học ở phần đất phía sau trường để giảm sĩ số học sinh trong các lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài

chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản gồm có: sổ quản lý tài sản, sổ quản lý công văn đi, đến. Các báo cáo có nội dung đánh giá về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ hằng năm của nhà trường được thực hiện và lưu trữ đúng theo quy định [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

b) Nhà trường có dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định. Báo cáo quyết toán, thống kê tài chính, tài sản mỗi năm đầy đủ rõ ràng; có biên bản kiểm kê tài sản hằng năm; sổ thống kê tài sản hằng năm [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

c) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành công khai tài chính. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định. Có quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng hằng năm và có điều chỉnh theo ý kiến đóng góp chính đáng của tập thể để hài hòa giữa nghĩa vụ và quyền lợi của viên chức và người lao động [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Sử dụng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong hoạt động quản lý tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-09].

b) Từ năm 2017 đến năm 2021, nhà trường không vi phạm liên quan về hoạt động quản lý tài chính; tài sản đơn vị [H1-1.6-05]; [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn nhưng chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

2. Điểm mạnh

- Công tác tự kiểm tra tài chính, công khai tài chính được thực hiện đúng quy định. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường luôn được tập thể cán bộ

quản lý, giáo viên, nhân viên biểu quyết nhất trí cao.

- Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản quy định về quản lý tài chính.

3. Điểm yếu

Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ cho hoạt động giáo dục hằng năm hiệu quả nhưng chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính, thực hiện thu - chi đúng mục đích, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, chi tiết, công khai tài chính theo định kỳ. Phối hợp cùng nhân viên kế toán xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương hỗ trợ hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm. Nhưng nhà trường chưa có kế hoạch nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Hiệu trưởng thông qua kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ trong các buổi họp Hội đồng sư phạm và được ghi nhận trong sổ nghị quyết của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Nhà trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý bằng bảng phân công nhiệm vụ theo đề án vị trí việc làm. Việc phân công,

sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường theo đúng năng lực, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác như: nhà trường cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia sinh hoạt bồi dưỡng chuyên môn, hoạt động chuyên đề; học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo kế hoạch của trường ngành. Bộ phận kế toán công khai niêm yết bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng trên bảng thông tin [H1-1.7-04].

Mức 2:

Hằng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, thể mạnh và kinh nghiệm của từng cá nhân. Lựa chọn các nhân tố tích cực để phân bổ, hỗ trợ các hoạt động quản lý tổ, nhóm. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng chuẩn phát triển năng lực, hoạt động này được đưa vào tiêu chí thi đua hằng năm [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng và thực hiện xuyên suốt trong từng năm học dựa vào tình hình thực tế của nhà trường.

Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường và theo quy định của luật Cán bộ, công chức, luật Viên chức, luật Lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

3. Điểm yếu

Còn 04 giáo viên và 08 nhân viên chưa đạt chuẩn. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt trên chuẩn còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và sắp xếp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn 100% và nâng cao số lượng đạt trên chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học; tổ chức các hoạt động chuyên đề tổ bộ môn; hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề, chủ điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức các hoạt động về phong trào thể dục thể thao, văn nghệ; tổ chức các chuyên đề về an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội, giáo dục kỹ năng sống chính khóa và giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Dựa vào phương hướng, nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng các kế hoạch: Kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra nội bộ (kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên, các bộ phận), kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng, ...Thực hiện hiệu quả các hoạt động dự giờ, hội giảng, chuyên đề, thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

c) Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục xếp thời khóa biểu phù hợp từng giai đoạn [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.8-05].

Mức 2:

Hàng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.8-03].

Nhà trường thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn trong quản lý dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường đồng thời triển khai tới toàn thể giáo viên các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Hóc Môn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý chặt chẽ học sinh thông qua việc thực hiện nội quy của

trường, của lớp. Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh, tổ giám thị để giáo dục học sinh.

Thực hiện tốt việc dạy nghề, hướng nghiệp cho học sinh; tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm, chú trọng tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; tổ chức các chuyên đề, các hội thi Khoa học kỹ thuật và khuyến khích học sinh tham gia.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm chưa được tổ chức thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục đôi khi còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các hoạt động quản lý, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục, đồng thời làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục tạo nguồn kinh phí hợp pháp để tổ chức các hoạt động trải nghiệm; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp, khi xây dựng kế hoạch, nội qui, quy chế và các hoạt động khác theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở Giáo dục

công lập [H1-1.7-05]; [H1-1.9-01].

b) Công đoàn phối hợp với Ban thanh tra nhân dân thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hàng tháng [H1-1.9-02].

c) Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ và được tập thể biểu quyết nhất trí thực hiện. Các hoạt động của nhà trường từ kế hoạch hoạt động, phân công nhân sự, thi đua - khen thưởng, thu chi tài chính, thực hiện chế độ chính sách,...đều công khai, minh bạch, dân chủ. Trong nhiều năm liền, nhà trường không có xảy ra khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02].

Mức 2:

Thực hiện công khai, minh bạch các văn bản pháp luật, văn bản chuyên môn của cấp trên, niêm yết công khai các bản kê khai tài sản trong phòng Hội đồng của trường. [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội qui, quy chế và các hoạt động khác theo qui định.

Hàng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận quy chế chi tiêu nội bộ, đóng góp ý kiến cho quy chế dân chủ cơ sở.

3. Điểm yếu

Nhà trường xử lý kịp thời các phản ánh của phụ huynh nhưng chưa cập nhật hồ sơ tiếp công dân đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục duy trì xây dựng kế hoạch và giám sát thực hiện quy chế dân chủ theo đúng quy định.

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng cùng các Phó Hiệu trưởng cập nhật hồ sơ tiếp công dân khi xử lý các phản ánh, khiếu nại từ phụ huynh và các bộ phận.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý

các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng các phương án về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ. Trường đã trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, hệ thống chữa cháy đúng theo quy định nhằm phục vụ tốt cho công tác phòng cháy, chữa cháy và đảm bảo an toàn, trật tự trong nhà trường; tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường kiến thức về phòng cháy, chữa cháy; phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, các tệ nạn xã hội [H1-1.10-01].

Có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với công an xã Thới Tam Thôn thường xuyên kiểm tra khu vực xung quanh trường để kịp thời phát hiện những tình huống gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trường học nhằm để đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh ở trước cổng trường trong giờ học sinh ra về [H1-1.10-01].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý cho mọi đối tượng tham gia hoạt động giáo dục của nhà trường, có lịch tiếp công dân hằng tuần để xử lý các thông tin phản ánh của người dân, tổ chức tọa đàm với học sinh hằng năm để lắng nghe ý kiến trẻ em; có phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-02].

c) Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường. Nhà trường đã tích cực xây dựng phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ chức các buổi ngoại khóa rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 được công nhận “Đơn vị văn hóa” nhiều năm [H1-1.10-02].

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp với các bộ phận liên quan phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên y tế thường xuyên kiểm tra nguồn nước, nguồn nhập thức ăn của căn tin, xây dựng phương án phòng, chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng và giám thị thường xuyên kiểm tra các hành lang, góc khuất, nhà vệ sinh vào giờ ra chơi, trang bị hệ thống camera theo dõi từng khu vực để kịp thời ngăn chặn các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường. Phối hợp với công an xã Thới Tam Thôn trong việc đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường trước giờ học và giờ học sinh ra về. Đến nay nhà trường chưa có trường hợp học sinh liên quan đến các hành vi bạo lực học đường [H1-1.10-03]; [H1-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong trường học được nhà trường thực hiện tốt. Nhà trường đã có những phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, các tệ nạn xã hội trong trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường đôi lúc vẫn còn tình trạng có những đối tượng thanh, thiếu niên bên ngoài chọc phá học sinh vào giờ ra về.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo an toàn trường học, chỉ đạo Chi đoàn có kế hoạch phân công đoàn viên giáo viên có giờ dạy trong ngày hỗ trợ trực trước cổng trường giờ ra về để đảm bảo an toàn cho học sinh. Đồng thời đề xuất Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn hỗ trợ an ninh trật tự giờ ra về cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

- Điểm mạnh nổi bật: Cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường đúng theo điều lệ trường trung học. Các đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, các tổ chuyên môn đều hoạt động đồng bộ, phối hợp tốt, đều tay để hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học.

- Điểm yếu cơ bản: Sĩ số học sinh mỗi lớp học vượt quá sĩ số theo quy định của Điều lệ trường trung học.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10
- Số tiêu chí đạt Mức 1: 10/10
- Số tiêu chí đạt Mức 2: 04/10
- Số tiêu chí đạt Mức 3: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Cán bộ quản lý của Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 đều có trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực và tận tụy trong công tác, quản lý chặt chẽ các hoạt động toàn diện của nhà trường, tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng.

Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao. Khối đoàn kết nội bộ trong nhà trường được củng cố và phát triển không ngừng. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đều nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, chia sẻ nhau trong những lúc khó khăn.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và số năm công tác trên 20 năm theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-01]; [H1-1.4.-02].

b) Hằng năm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được lãnh đạo phòng Giáo dục đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý có chứng nhận được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định. Hằng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn đạt tỉ lệ tín nhiệm cao. So với mục tiêu đặt ra của nhà trường thì năng lực sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên bản ngữ đôi lúc gặp khó khăn. [H1-1.4-01]; [H1-1.4.-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2016 - 2017 đến năm 2020 - 2021 tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được Hội đồng sư phạm và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý được tập thể nhà trường tín nhiệm và lãnh đạo được đánh giá cao. Cán bộ quản lý của trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn và quản lý.

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ trong công tác quản lý; có khả năng vận dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhà trường.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý đôi lúc gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tự bồi dưỡng đổi mới phương pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy mô phát triển nhà trường. Ngoài ra, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng sắp xếp học tập, bồi dưỡng năng lực sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) *Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) *Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) *Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-02].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học [H2-2.2-01].

c) Đội ngũ giáo viên nhà trường trẻ, nhiệt tình trong công tác, có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục. Hằng năm, 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H1-1.8-03]; [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có 50/56 giáo viên đạt chuẩn đạt, 02/56 giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo và 04/56 giáo viên chưa đạt chuẩn được tạo điều kiện học tập nâng chuẩn theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

b) Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2021 - 2020, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Giáo viên tích cực nhưng khả năng phối hợp chưa cao. Chưa có nhiều nhân tố nổi bật trong đội ngũ [H2-2.2-01].

c) Nhà trường có đội ngũ giáo viên năng động, tích cực, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Hằng năm, nhà trường luôn có giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2021 - 2022, nhà trường đảm bảo có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học tuy nhiên không đạt giải [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, ham học hỏi, có tinh thần cầu tiến. Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo chiếm tỉ lệ 92,9% đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm.

Giáo viên tích cực trong các hoạt động đổi mới theo nhu cầu của ngành, có khả năng thích ứng và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Giáo viên tích cực tham gia các hoạt động phong trào nhưng khả năng phối hợp chưa cao. Chưa có nhiều nhân tố nổi bật trong đội ngũ, các sản phẩm nghiên cứu khoa học chưa đạt thành tích trong các hội thi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022, các Phó Hiệu trưởng phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhằm phát huy tính tích cực của giáo viên, đặc biệt là các hoạt động hội giảng, hoạt động tập thể để nâng cao khả năng phối hợp của giáo viên cũng như tạo điều kiện thể hiện cho các nhân tố nổi bật.

Từ năm học 2021 - 2022, Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để giáo viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, yên tâm công tác và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tiếp tục phân công cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học.

Đẩy mạnh phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, thành lập các câu lạc bộ khoa học. Động viên, khuyến khích giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác tổ chức rà soát, đánh giá để cải tiến các hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm và hướng nghiệp theo học kỳ và theo năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên

môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận của trường đầy đủ theo quy định Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, bao gồm 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên công nghệ thông tin, 03 nhân viên phục vụ và 04 nhân viên bảo vệ [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Đội ngũ nhân viên nhà trường đều có chứng chỉ đào tạo đúng chuyên ngành theo vị trí công việc và được phân công thực hiện nhiệm vụ đúng chuyên môn, năng lực của từng cá nhân [H2-2.3-03].

c) Tất cả nhân viên nhà trường đều có ý thức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, 100% nhân viên đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hằng năm. Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H1-1.8-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu hoạt động [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

b) Từ năm học 2016 - 2017 đến nay, nhà trường không có trường hợp nhân viên vi phạm nội quy đơn vị hay bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên văn thư, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp theo chuyên ngành [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn phòng cháy, chữa cháy định kỳ [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên phụ trách các bộ phận theo quy định của Điều lệ trường trung học, được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Trình độ, năng lực của đội ngũ nhân viên vị trí thư viện chưa đạt chuẩn đúng vị trí

việc làm và chưa có nhân viên hỗ trợ học sinh khuyết tật, nhân viên kế toán, y tế thuộc diện hợp đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện để các nhân viên phụ trách thiết bị, thư viện được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đảm bảo đạt chuẩn theo vị trí công tác của ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch phân tuyến của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, học sinh đầu cấp hằng năm đều có độ tuổi từ 11 đến 12 tuổi, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 03 lần trong một cấp học. [H2-2.4-01].

b) Đầu mỗi năm học, nhà trường triển khai đến học sinh những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và các hành vi học sinh không được làm (Điều 38 và Điều 41 trong Điều lệ trường trung học) trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Hằng năm, mỗi học sinh được cập nhật mới nội qui học sinh nhằm giáo dục trách nhiệm cá nhân trong sinh hoạt. Hằng năm, kết quả xếp loại hạnh kiểm khá tốt của học sinh đạt trên 90% [H1-1.5-01].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền hưởng thụ giáo dục, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập. Các em được nhà trường bảo vệ, đối xử bình đẳng, giáo dục kỹ năng sống cho các em. Học sinh được tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường, được tham gia các phong trào nhằm phát triển năng

khuyến nếu có đủ điều kiện. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường có chế độ miễn giảm các khoản tiền học phí ở hai học kỳ; Đoàn - Đội có chương trình hỗ trợ sách vở, trang phục cho học sinh vào dịp khai giảng đầu năm học và tặng quà tết vào dịp trường tổ chức hội trại truyền thống hằng năm [H1-1.8-01]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

Nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong các hoạt động giáo dục học sinh. Học sinh vi phạm được phát hiện kịp thời và thông báo cụ thể đến cha mẹ học sinh để có hướng hỗ trợ học sinh khắc phục hạn chế, áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp để các em có chuyển biến tích cực [H1-1.5-03]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

Định kỳ, các buổi sinh hoạt dưới cờ, cán bộ quản lý phối hợp cùng Tổng phụ trách luôn có hình thức khen thưởng, vinh danh tập thể lớp và học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện nhằm tạo ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các yêu cầu tuyển sinh đầu cấp, đúng độ tuổi được quy định. Đa số học sinh thực hiện tốt nội quy và tích cực tham gia các hoạt động trong học tập cũng như các hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số học sinh vẫn còn có biểu hiện vi phạm kỷ luật, nội qui nhà trường do tác động của môi trường xã hội, gia đình chưa quan tâm sâu sát đến con em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giám thị, Tổng phụ trách Đội, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc rèn luyện ý thức trách nhiệm học sinh thực hiện nội qui nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật: Cán bộ quản lý đảm bảo về trình độ chuyên môn, chính trị và năng lực quản lý. Cán bộ, giáo viên trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo đạt 92,9%.

Điểm yếu cơ bản: vẫn còn học sinh vi phạm nội qui nhà trường; tỷ lệ giáo viên giỏi cấp huyện còn thấp so với yêu cầu.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04
- Số tiêu chí đạt Mức 1: 04/04
- Số tiêu chí đạt Mức 2: 03/04
- Số tiêu chí đạt Mức 3: 00/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trong suốt những năm qua, trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 đã không ngừng tranh thủ các nguồn đầu tư của nhà nước để chăm lo xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị dạy học cho trường.

Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 có diện tích khuôn viên với 9678 m², có biển trường và tường rào bảo vệ tương đối vững chắc, hệ thống nước sạch ổn định, đảm bảo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

Trường có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Sân chơi và bãi tập rộng; có 01 nhà xe giáo viên và khu để xe học sinh; khu nhà vệ sinh; hệ thống cấp thoát nước được xây dựng với quy mô hiện đại và đúng theo quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và hiện đại, phục vụ có hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách toàn diện.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn quan tâm, xây dựng khuôn viên trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, có đủ phòng học, sân chơi để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hằng năm, trường đều có bổ sung thêm vòm cây xanh, giàn hoa leo tạo bóng mát cho học sinh trong giờ chơi. Việc tôn tạo cảnh quan sư phạm càng được tập thể nhà trường chú trọng nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng trường khang trang, có lẽ rộng, vạch đậu xe cho phụ huynh đưa đón học sinh đảm bảo trật tự, biển tên trường đúng theo quy định của Điều lệ trường Trung học, có tường, hàng rào bao quanh để đảm bảo an toàn cho khuôn viên trường học [H3-3.1- 02].

c) Khu vực sân chơi đảm bảo vệ sinh, thoáng mát; có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1- 03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh như: luyện tập thể dục thể thao; các hoạt động ngoại khóa, hội thi..., tạo điều kiện tốt cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh [H3-3.1-02].

Mức 3:

Trong khuôn viên nhà trường có khu sân chơi bãi tập chiếm khoảng 6452 m² diện tích mặt bằng của nhà trường; khu sân chơi có cây bóng mát, đảm bảo vệ sinh và thẩm mỹ; khu bãi tập có đủ thiết bị phục vụ cho học tập thể dục, thể thao của học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập cho học sinh an toàn, thoáng mát, sạch sẽ rất phù hợp cho học sinh luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi trong các giờ ra chơi và sinh hoạt tập thể.

3. Điểm yếu

Trường có khu sân chơi, bãi tập diện tích ít nhất thấp hơn 10 m²/học sinh theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn giảm dần sĩ số học sinh trong tuyển sinh đầu cấp để đạt diện tích tối thiểu 10m²/học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 32 phòng học theo mẫu thiết kế của Bộ giáo dục và Đào tạo, 06 phòng học bộ môn; mỗi phòng được trang bị 10 bóng đèn, 04 quạt trần đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, với 24 bàn 48 ghế học sinh, 01 bộ bàn ghế của giáo viên và 01 bảng từ dài 4,8m, ngang 1,2 m trong mỗi phòng học. Tất cả bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên được trang bị đầy đủ từ kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng đến màu sắc đảm bảo quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có khối phòng học bộ môn gồm: 01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh - Công nghệ, 02 phòng thực hành Tin học đạt tiêu chuẩn quy định [H3-3.1-02].

c) Có phòng thư viện đạt chuẩn theo quy định, có phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống được trang bị máy tính, máy in và các trang thiết bị đảm bảo phục vụ cho các hoạt động cần thiết [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Trang bị đầy đủ các thiết bị nghe, nhìn, đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, bàn ghế đúng quy cách. Phòng học có 02 lối ra vào đảm bảo an toàn cho học sinh. Đáp ứng đủ điều kiện cho hoạt động học tập của học sinh hòa nhập [H3-3.2-01].

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học như bảng tương tác, máy chiếu, hệ thống âm thanh... Nhà trường có bố trí phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế của giáo viên, bảng viết trong mỗi phòng học; phòng thực hành môn Tin học được kết nối internet phục vụ việc dạy và học đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Bàn ghế ở một số phòng học do trang bị quá lâu nên xuống cấp, hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường trang bị thêm bàn ghế mới phù hợp với chuẩn hiện hành, tích cực tham mưu cấp trên để nâng cấp son lại các phòng học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khôi phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đầy đủ khối phòng phục vụ cho học tập, gồm: 32 phòng học, 03 phòng thực hành bộ môn Lý, Hóa, Sinh - Công nghệ, 02 phòng thực hành Tin học,

01 phòng Nhạc, 01 Hội trường. Khối phòng hành chính - quản trị cơ bản đảm bảo theo đúng quy định gồm 11 phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng tài vụ, 01 phòng hành chính, 01 phòng giám thị, 01 phòng giáo viên, 01 phòng y tế, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 02 phòng nghỉ dành cho giáo viên nam và nữ, 01 phòng truyền thống được chuyển đổi thành phòng Đội. Trường không có khu nhà ăn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Khu để xe của giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự [H3-3.1-02].

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H3-3.3-01].

Mức 2:

Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng Hành chính quản trị, phòng Y tế, phòng Bảo vệ được bố trí theo quy định. Phòng nghỉ cho giáo viên diện tích nhỏ nhưng trang bị đủ giường, ghế ngủ, quạt, đèn đảm bảo được điều kiện sức khỏe, an toàn, cho giáo viên, nhân viên [H3-3.1-02].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có phòng học bộ môn, khối phòng hành chính - quản trị đủ đáp ứng nhu cầu học tập và giáo dục học sinh. Trường có phòng y tế với trang thiết bị tối thiểu nhất phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và điều trị những bệnh thông thường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng máy vi tính ở 02 phòng thực hành Tin học chưa đáp ứng tốt việc thực hành cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, trường đầu tư kinh phí, nâng cấp bổ sung máy vi tính ở 02 phòng vi tính để giúp học sinh thực hành đầy đủ và hiệu quả.

Tiếp tục nâng cấp đường truyền internet, hệ thống wifi để phục vụ công tác quản lý, dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 01 phòng vệ sinh ở phòng Hiệu trưởng, 01 phòng vệ sinh ở phòng bảo vệ, 08 khu nhà vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, mỗi khu nhà vệ sinh đều được phân riêng cho nam và nữ, vị trí đặt các khu nhà vệ sinh phù hợp với cảnh quan trường học, sạch sẽ an toàn thông thoáng và thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

b) Ngoài nguồn nước từ 02 giếng khoan phục vụ sinh hoạt, trường có nguồn nước sạch của nhà máy nước Thành phố đảm bảo cho việc sử dụng sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nước uống hợp đồng do Công ty sản xuất, dịch vụ, thương mại đạt tiêu chuẩn để phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Hệ thống thoát nước được đầu nối với hệ thống cống thoát nước bên ngoài, việc thu gom rác được thực hiện mỗi ngày một lần do Hợp tác xã thu gom rác đảm nhận [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu nhà vệ sinh được xây dựng riêng cho nam và nữ, được bố trí hợp lý, xây dựng bằng xi măng có ốp gạch men vững chắc, sạch sẽ, hợp vệ sinh, thoáng mát, có đủ ánh sáng, có hệ thống tẩy rửa bán tự động ở 02 tầng lầu giúp làm sạch sẽ khu nhà vệ sinh cho học sinh [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế

trường học. Có hệ thống nước nóng, lạnh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ vệ sinh có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong trường; thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng. Không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường. Hệ thống cống, rãnh để dẫn thoát nước mưa, nước thải bảo đảm kín không rò rỉ, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, học sinh chưa ý thức cao trong việc tập trung xử lý rác, vẫn còn một số em xả rác trong lớp và sân trường [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường bố trí khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh một cách khoa học, phù hợp và thuận tiện.

- Nguồn nước sạch thường xuyên đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nước uống đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác thải ... đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Khu vệ sinh đã cũ xuống cấp chưa đạt tiêu chuẩn. Học sinh chưa ý thức cao trong việc tập trung xử lý rác, vẫn còn một số em xả rác trong lớp và sân trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 tham mưu với lãnh đạo huyện xin sửa chữa, bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng, sinh hoạt của giáo viên, học sinh. Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với Tổng phụ trách Đội tăng cường giáo dục học sinh ý thức, giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy và học tối thiểu cho từng bộ môn theo Thông tư 19/2009/TT-BGDĐT và Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. Thiết bị dạy học được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng thiết bị và các phòng học bộ môn [H3-3.5-01].

b) Hằng năm, giáo viên thường xuyên sử dụng các thiết bị dạy học có sẵn để phục vụ cho công tác dạy và học. Việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên còn hạn chế [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, tổ chức rà soát, đánh giá lại về thực trạng bảo quản thiết bị giáo dục của nhà trường từ đó có kế hoạch kiểm kê tài sản thiết bị và tiến hành tổ chức sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có kết nối mạng internet cáp quang, wifi và website của trường tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh truy cập thông tin trên mạng nhanh chóng; kết quả học tập của học sinh được cập nhật qua chương trình SMAS 3.0; công tác quản lý nhân sự áp dụng phần mềm VPN; địa chỉ email của trường c2tamdong1.tphcm@moet.edu.vn. Website: <http://thcstamdong1.hcm.edu.vn> [H3-3.2-01].

b) Khu hành chính có 13 máy vi tính, 05 máy laptop, 02 đầu chiếu projector, 03 bảng tương tác, 07 máy in, 02 máy photocopy phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; có 02 phòng thực hành Tin học gồm máy vi tính phục vụ cho học sinh học tập và đều được kết nối mạng internet [H3-3.2-01]; [H3-3.5-01].

c) Đầu mỗi năm học, các Phó Hiệu trưởng triển khai đến tổ chuyên môn việc rà soát thiết bị dạy học và tiến hành đề xuất bổ sung theo nhu cầu giảng dạy. Đồng thời, tổ chức hoạt động làm đồ dùng dạy học trong giáo viên [H3-3.5-04].

Mức 3:

Thiết bị dạy học được khai thác sử dụng triệt để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, do vật liệu của các thiết bị dạy học tự làm chưa chắc chắn nên việc bảo quản còn hạn chế [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo đầy đủ trang thiết bị dạy và học cho tất cả các bộ môn theo quy định. Hằng năm bộ phận thiết bị đều có bổ sung mua sắm thêm trang thiết bị để phục vụ dạy và học.

3. Điểm yếu

Đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn hạn chế cần được trang bị mới. Đồ dùng thiết bị dạy học chưa đáp ứng hết nhu cầu Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tiếp tục rà soát thiết bị dạy học của trường theo danh mục thiết bị tối thiểu đáp ứng nhu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học hằng năm.

Xây dựng kế hoạch và phát động cuộc thi làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường đạt tiêu chuẩn “Thư viện trường học xuất sắc”, với diện tích 98 m² có phòng đọc riêng, phòng chứa sách riêng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu,

học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Mỗi năm, thư viện được bổ sung thêm các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01].

b) Nhân viên thư viện làm việc buổi sáng lúc 7h00 đến 11h15 và buổi chiều lúc 13h00 đến 16h45 từ thứ Hai đến thứ Sáu. Phòng thư viện được trang bị đầy đủ: nội qui thư viện, danh mục các loại sách, báo, tài liệu, sổ theo dõi việc cho mượn sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Hằng năm, nhân viên thư viện xây dựng kế hoạch và có đề xuất bổ sung sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành kiểm kê, rà soát, kiểm tra công tác thư viện [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học xuất sắc (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông) [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học xuất sắc. Thư viện có máy tính được kết nối internet tạo điều kiện thuận tiện cho giáo viên và học sinh nghiên cứu tài liệu, tham khảo thông tin trên mạng, phục vụ cho hoạt động dạy và học nhưng số lượng máy tính còn ít và cấu hình cũ [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về công tác xây dựng thư viện đạt chuẩn. Thường xuyên tổ chức cho học sinh đọc sách, tham khảo tài liệu hoặc mượn sách thư viện.

3. Điểm yếu

Số lượng đầu sách phục vụ cho giáo viên và học sinh vào tra cứu tại thư viện còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đầu tư thêm đầu sách từ nguồn kinh phí hàng năm để phục vụ giáo viên và học sinh. Trong những năm tiếp theo nhà trường sẽ đầu tư kinh phí sửa chữa, xây dựng để phấn đấu đạt chuẩn thư viện điện tử.

Cán bộ thư viện tham mưu xây dựng kế hoạch, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm vận động học sinh toàn trường đóng góp sách cũ để tăng thêm số lượng đầu sách cho thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh nổi bật: Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 có môi trường trong sạch thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết, nội qui học sinh theo quy định. Thư viện nhà trường có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Cơ sở vật chất của nhà trường, thiết bị dạy học đầy đủ. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Điểm yếu cơ bản: Số lượng máy vi tính ở 02 phòng thực hành Tin học chưa đáp ứng tốt việc thực hành cho học sinh.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

- Số tiêu chí đạt Mức 1: 06/06

- Số tiêu chí đạt Mức 2: 03/06

- Số tiêu chí đạt Mức 3: 00/06

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường cần phải thực hiện mối quan hệ chặt chẽ với gia đình và xã hội, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhiều năm qua đã và đang phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác giảng dạy và học tập, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy học, hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu hổng năm... Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền ở địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng gắn bó. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 trong những năm qua.

Khó khăn hiện tại của nhà trường là một số cha mẹ học sinh thiếu quan tâm phối hợp giáo dục học sinh, còn khoán trắng cho nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 11 thành viên do Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp bầu ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và xây dựng nghị quyết hoạt động theo đúng hướng dẫn và hoạt động theo đúng Điều lệ ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh, hỗ trợ cho hoạt động dạy và học của nhà trường đạt hiệu quả [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Nhà trường đã tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh theo định kỳ 01 năm 03 lần và đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác quản lý, công tác giáo dục của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp lãnh đạo nhà trường giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh. [H2-2.4-03].

c) Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường theo đúng tiến độ [H4-4.1-02]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tập hợp ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp học để thống nhất với Hiệu trưởng các biện pháp giải quyết. Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh tại các buổi họp cha mẹ học sinh định kỳ. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường luôn phối hợp tốt với Chi hội khuyến học xác minh các hoàn cảnh học sinh khó khăn, tổ chức vận động học sinh bỏ học đến lớp. Hỗ trợ nhà trường giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.3-05]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy

định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, các buổi họp Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa đảm bảo 100% dự họp do điều kiện công tác của một vài thành viên. Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn có sự tư vấn cho địa phương hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường nhằm xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện cho học sinh [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp tốt với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, năng nổ, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục của nhà trường và tích cực phối hợp hỗ trợ nhà trường trong công tác quản lý, giáo dục học sinh, thực hiện tốt công tác xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh bỏ học chưa đến lớp do một số ít cha mẹ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hoặc lo làm ăn nên chưa quan tâm nhiều đến việc học tập, rèn luyện đạo đức cho con em mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả, kịp thời thông tin hoặc trao đổi trực tiếp những vấn đề liên quan đến học sinh, đồng thời tư vấn thêm cho những phụ huynh chưa quản lý, giáo dục con em trong việc thực hiện nội qui nhà trường. Bố trí thời gian hợp lý và nâng cao chất lượng các cuộc họp để cho những phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn cũng có thể tham gia hội họp và góp ý cho các hoạt động giáo dục của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong nhiều năm học với tình hình thực tế, nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và chiến lược phát triển nhà trường; phối hợp với Ban nhân dân các ấp hỗ trợ và vận động trẻ đến tuổi ra lớp, học sinh bỏ học đi học lại [H1-1.8-01]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường đã phối hợp với công an xã Thới Tam Thôn để kịp thời xử lý khi có các hiện tượng gây rối trong và ngoài trường học, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh vận động với các chủ quán xung quanh trường để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực, giữ gìn an ninh trật tự bên ngoài nhà trường; ổn định trật tự trước cổng trường, an toàn giao thông. Đặc biệt là đầu giờ buổi sáng và giờ ra về buổi trưa, buổi chiều [H1-1.3-09].

c) Hằng năm, nhà trường đều có vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh, khen thưởng học sinh cuối năm; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, hỗ trợ học sinh có tiến bộ; khen thưởng học sinh tiến bộ để động viên các em vươn lên trong học tập [H4-4.2-01].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn căn cứ vào Nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ và chính quyền, chủ động tham mưu để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, đồng thời thực hiện sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-01].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận đoàn thể, giáo viên thực hiện giáo dục truyền thống nhà trường, truyền thống dân tộc, giáo dục văn hóa, đạo đức, pháp luật... thông qua lồng ghép tích hợp trong các môn học, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp và tham quan ngoại khóa tìm hiểu các khu di tích lịch sử, cách mạng như: Địa đạo Củ Chi, Chiến khu D, ... Hằng năm, nhà trường tổ chức cho giáo viên và học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và thăm viếng Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương, đồng thời tham gia đóng góp cho việc tu sửa bia tưởng niệm xã Thới Tam Thôn [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Mức 3:

Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa”, đảm bảo môi trường học Xanh - Sạch - Đẹp. Hằng năm nhà trường thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn và phối hợp với Đoàn xã tổ chức hoạt động hè nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương cho học sinh và thiếu nhi trên địa bàn xã [H4-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Huy động được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cha mẹ học sinh và các tổ chức cá nhân để đóng góp xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị trường học trên địa bàn xã Thới Tam Thôn để phát huy vai trò là trung tâm văn hóa của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm trường tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương nhằm xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế.

Phối hợp tốt hơn nữa với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

Trong năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phối hợp với đoàn thể địa phương tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu để được nhiều di tích lịch sử cách mạng ở từng địa phương khác nhau, qua đó giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc hiệu quả hơn. Nhà trường phối hợp với Ban chấp hành công đoàn xây dựng kế hoạch

tổ chức giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao với các trường học trong địa bàn xã.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật: Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

Sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh đã tạo sự phấn khởi cho giáo viên công tác, đảm bảo tốt cho hoạt động dạy và học.

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường và được sự quan tâm ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cá nhân trên địa bàn để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

- Điểm yếu cơ bản: Sự phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa hiệu quả. Hoạt động giáo dục địa phương chưa được tổ chức ở địa phương khác thường xuyên.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

- Số tiêu chí đạt Mức 1: 02/02

- Số tiêu chí đạt Mức 2: 00/02

- Số tiêu chí đạt Mức 3: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong các năm học, nhà trường luôn triển khai đầy đủ kế hoạch giáo dục tới tập thể sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các bộ phận, đoàn thể, tổ chuyên môn đều nắm vững biện pháp thực hiện của kế hoạch đề ra. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thường xuyên tổ chức chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao, thực hiện tốt việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Do vậy, trong các năm học qua kết quả học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan. Chất lượng chung về học lực và hạnh kiểm cũng như kết quả thi học sinh giỏi cấp huyện các môn luôn ổn định. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng thúc đẩy thành tích

chung của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào nhiệm vụ, phương hướng năm học nhà trường lập kế hoạch năm học phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế; mỗi tháng đều có kế hoạch và đánh giá rút kinh nghiệm việc làm được, chưa làm được và đề ra kế hoạch tháng tiếp theo trong Liên tịch nhà trường, thông qua Hội đồng sư phạm. Tổ nhóm bộ môn sẽ vận dụng và đề ra kế hoạch cho hoạt động chuyên môn của mình [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Thực hiện thời gian thực học đúng quy định 35 tuần/năm học, có kế hoạch giảng dạy và học tập; thực hiện chương trình theo chuẩn kiến thức kỹ năng, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-07]; [H5-5.1-01].

c) Kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của từng tổ bộ môn, của giáo viên nhằm chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót và bổ sung kịp thời để đảm bảo yêu cầu giảng dạy và các hoạt động chuyên môn khác. Đánh giá việc thực hiện giảng dạy, dự giờ, thăm lớp, sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo hướng nghiên cứu bài học

của trường và cơ quan có thẩm quyền. Đánh giá việc thực hiện vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, kế hoạch giáo dục của giáo viên thông qua sổ ghi đầu bài. Nhà trường hướng dẫn học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, có khả năng phản biện và biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn. [H1-1.4-03]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo từng giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân theo hướng dẫn thực hiện chương trình chú trọng đến từng đối tượng học sinh. Qua các đợt kiểm tra và quá trình học tập, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo học sinh yếu, chưa đạt theo từng môn [H1-1.8-02]; [H5-5.1-05].

b) Nhà trường lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra chọn học sinh giỏi các môn để lựa chọn các em có năng khiếu tham gia các kì thi học sinh giỏi cấp huyện và thành phố, Hiệu trưởng phân công giáo viên giảng dạy, đánh giá theo quy định, theo dõi và giúp đỡ các em học sinh hòa nhập [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07].

Mức 3:

Từng học kỳ, nhà trường đều thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm công tác dựa trên chất lượng giảng dạy từng bộ môn so với chất lượng toàn trường và toàn huyện. Hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy cũng là tiêu chí thi đua trong đơn vị. Vì vậy, giáo viên chủ động nâng cao chất lượng tay nghề thông qua việc vận dụng các phương pháp trong các chuyên đề, chia sẻ sáng kiến. Tuy nhiên, các đề tài chưa được nhiều về số lượng vì lượng kiến thức ở cấp Trung học cơ sở còn ít và chỉ tham gia cấp trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Coi trọng việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nhằm phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo cho học sinh trong học tập. Hầu hết giáo viên tham gia học tập chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá, áp dụng vào công tác giảng dạy khá hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin từ khâu soạn bài đến khâu lên lớp được khuyến khích nhằm kích thích khả năng tự học tập tư duy của học sinh.

2. Điểm yếu

Trong quá trình giảng dạy, mặc dù giáo viên đảm bảo dạy đúng, đủ nội dung chương trình nhưng đôi khi còn một số ít giáo viên chưa kịp thời cập nhật kế hoạch giáo dục của giáo viên cho phù hợp thực tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm học đã được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt.

Duy trì và phát huy các thế mạnh của trường trong đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh.

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên. Tổ chức kiểm tra chéo việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, đảm bảo đúng tiến độ, thời gian và kiểm tra đầy đủ toàn bộ giáo viên.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn tăng cường các biện pháp kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục của mỗi giáo viên. Đồng thời cập nhật và triển khai kịp thời các văn bản của các cấp về việc chỉ đạo thực hiện, điều chỉnh kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện với mục tiêu tìm kiếm tài năng, bồi dưỡng nhân tài, hỗ trợ học tập cho học sinh hòa nhập [H5-5.1-05]; [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn như trao học bổng, trao quà tết; đối với học sinh có năng khiếu nhà trường phân công các giáo viên dạy bồi dưỡng cho các em ở các môn; đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường phân công giáo viên dạy phụ đạo, đánh giá theo quy định đối với học sinh hòa nhập khuyết tật [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để từ đó hỗ trợ, khen thưởng học sinh [H2-2.4-03].

Mức 2:

Qua báo cáo sơ kết, tổng kết, qua sổ theo dõi học sinh hòa nhập khuyết tật của nhà trường, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-1.4-07] ; [H5-5.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh đạt giải cấp huyện, cấp Thành phố các môn học Toán, Tin học, Công nghệ, Thể dục thể thao, Mỹ thuật (Nét vẽ xanh) [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu. Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ cao của chính quyền địa phương, phụ huynh trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu. Hằng năm đều tham gia hội khỏe Phù Đổng đạt kết quả tốt; hội thi văn nghệ, thể thao, các hoạt động lễ hội dân gian do huyện Hóc Môn và Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

3. Điểm yếu

Kế hoạch phụ đạo chưa thực sự phù hợp, chưa sát đến từng môn. Vẫn còn một số học sinh chưa có ý thức cố gắng học tập nên chưa tự giác tham gia học phụ đạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch thi đua học tập sâu rộng giữa các lớp, có nhiều biện pháp giúp các em học sinh hiểu bài, giảm tỉ lệ học sinh yếu, kém; giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn sâu sát với từng em học sinh để giúp đỡ các em tiến bộ.

Từ năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ tổ chức dạy phụ đạo chặt chẽ hơn. Tổ chức các chuyên đề về bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu về học lực để nâng cao hiệu quả công tác này.

Tăng cường phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo học sinh yếu để chất lượng giáo dục các mặt ngày càng

được nâng cao.

Làm tốt hơn nữa công tác vận động toàn thể học sinh tham gia tốt các hoạt động thể thao, văn nghệ, các trò chơi dân gian.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) *Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) *Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng đã chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt việc giảng dạy nội dung giáo dục địa phương, tạo sự hứng thú học tập cho học sinh thông qua các môn học. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H5-5.3-01].

b) Hàng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức kiểm tra việc học nội dung giáo dục địa phương của học sinh và cho các em viết thu hoạch sau khi tìm hiểu, để học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương [H5-5.3-02].

c) Vấn đề giáo dục địa phương đã được nhà trường triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương thực hiện chưa tốt [H1-1.8-02];[H5-5.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương được giảng dạy trong các tiết học theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.8-02].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử tại địa phương. Xây dựng các tiết học ngoại khóa gắn liền lý luận và thực tiễn như: Làm tập san, phim tài liệu.. của bộ môn Ngữ văn; phổ biến an toàn giao thông, bạo lực học đường của bộ môn Giáo dục công dân... [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 thuộc địa bàn huyện Hóc Môn là địa phương giàu truyền thống lịch sử cách mạng nên thuận lợi cho việc thực hiện giáo dục địa phương. Môn giáo dục địa phương được giảng dạy cho học sinh lớp 6, lớp 7. Đối với học sinh lớp 8, lớp 9 nội dung giáo dục địa phương được giảng dạy lồng ghép qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Mỹ thuật, Giáo dục công dân gắn liền với thực tế địa phương.

3. Điểm yếu

Công tác rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên và chưa được nhà trường cập nhật đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, trường tiếp tục khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm và bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học. Tiếp tục chỉ đạo cho giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong giáo án phù hợp với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường rất quan tâm đến hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản. Nhà trường đã tổ chức các lớp dạy nghề phổ thông cho học sinh khối 8. Trường cho học sinh đăng ký chọn nghề học theo lớp. Các em chọn 2 nghề: điện dân dụng và tin học [H5-5.4-01].

b) Tổ chức hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 ở các trường Trung cấp nghề, và thường xuyên tổ chức tại trường theo chương trình chính khóa, với sự tham gia của 100% học sinh lớp 9. Hằng năm, 100% học sinh lớp 8 tham gia học nghề. Kết quả xếp loại học nghề của học sinh đạt tỷ lệ trên 95% mỗi năm [H5-5.4-02].

c) Định kỳ, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh và đều có sự hỗ trợ tích cực từ các nguồn lực giáo viên, nhân viên. Tất cả các bộ phận khi được huy động đều tham gia đầy đủ và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Kế hoạch hoạt động trải nghiệm hằng năm được xây dựng phù hợp với từng khối lớp, bộ môn. Tổ chức cho học sinh tham quan thực tế, tổ chức diễn đàn, thực hiện dự án và nghiên cứu khoa học. Xây dựng các câu lạc bộ học thuật. Hoạt động hướng nghiệp được triển khai với nhiều hình thức phong phú như phối hợp với các đơn vị trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề tổ chức triển lãm ngành nghề, cho học sinh tham quan thực tế tại trường, sinh hoạt chuyên đề... nhằm giúp học sinh có định hướng đúng đắn cho tương lai. Tuy nhiên, do điều kiện thực tế, nhà trường chưa xây dựng được nhiều câu lạc bộ học thuật [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

b) Mỗi năm học, nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo về thực hiện giảng dạy môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 6, đồng thời xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp từng năm học với các hoạt động giúp học sinh phát triển cá nhân, thúc đẩy học sinh hoạt động lao động, hoạt động xã hội.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm còn ít so với đòi hỏi của học sinh nhằm phát triển giáo

dục toàn diện, gắn việc giáo dục với trải nghiệm trong cuộc sống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức nhiều tiết học trải nghiệm sáng tạo cho học sinh các lớp. Đồng thời tăng cường các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục gắn với trải nghiệm trong cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả thực trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức: Lồng ghép, tích hợp các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tự chăm sóc và bảo vệ bản thân được giáo viên thực hiện trong giảng dạy các bộ môn, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dã ngoại, tham quan hướng nghiệp, thông qua giờ dạy ngoại khoá. Việc giáo dục về kỹ năng sống được giáo viên lồng ghép vào nội dung các bài học chính khóa trong chương trình các môn học như: Sinh học, Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Công nghệ, Thể dục được thực hiện cụ thể thông qua các hoạt động thảo luận theo nhóm, thuyết trình, các trò chơi đố vui trong học tập. Ngoài ra còn

được lồng ghép qua các chuyên đề giáo dục, các phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” là việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để cung cấp kiến thức về kỹ năng sống cho học sinh và các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp như tổ chức chuyên đề An toàn giao thông, chuyên đề các bộ môn Sinh học, Địa lí, Giáo dục công dân [H5-5.5-03]; [H5-5.5-01].

b) Hằng năm, nhà trường phối hợp cùng các tổ chức, đoàn thể của địa phương tổ chức nhiều hội thi, chuyên đề cho học sinh với các nội dung như: Hội thi về tìm hiểu Luật giao thông, chuyên đề về giới tính, giá trị sống ... Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh đã chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục [H5-5.5-03].

c) Hoạt động giáo dục kỹ năng sống trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với các tiêu chí giáo dục của nhà trường, pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Liên đội thường xuyên phát động các phong trào thi đua rèn kỹ năng sống cho học sinh: Phong trào “Nói lời hay, làm việc tốt”, phong trào rèn tính chấp hành kỷ luật, chấp hành nội quy của trường đề ra và tổ chức thi đua học tập cho học sinh ngay từ đầu năm học mới nhằm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện [H1-1.3-08].

b) Nhà trường chú trọng rèn luyện kỹ năng sống trong các hoạt động vui chơi, giải trí giúp học sinh được rèn luyện thường xuyên nhưng không cảm thấy nặng nề. Thông qua hoạt động tiết sinh hoạt dưới cờ, nhà trường thường xuyên tổ chức chuyên đề nhằm giáo dục, rèn kỹ năng sống, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, rèn luyện cho học sinh kỹ năng nhận diện vấn đề; biết xác định tình huống, tự khẳng định; biết cách từ chối khi bị người xấu lôi kéo, dụ dỗ; xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống trong cuộc sống, đặc biệt là các tình huống nguy hiểm; tạo thói quen sinh hoạt tổ, nhóm trong học tập và các hoạt động giáo dục. Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa dưới hình thức các hội thi, các buổi tìm hiểu về Luật Giao thông, về giới tính từ đó hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh [H5-5.5-03].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và phát động tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, khéo tay kỹ thuật ở các bộ môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học,

Tin học, Công nghệ để bước đầu giúp học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên [H1-1.8-01]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường rất phong phú và đa dạng tạo cho các em cảm nhận nó một cách tự nhiên. Trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, giáo viên bộ môn không những không làm quá tải chương trình giáo dục của bộ môn mà còn đem đến cho học sinh sự hứng thú, sôi nổi và niềm vui trong học tập. Vừa mang lại kiến thức bổ ích cho bộ môn vừa hình thành kỹ năng sống cho học sinh, giúp các em ngày càng yêu thích bộ môn hơn.

Học sinh của nhà trường tham gia tích cực và hiệu quả các hoạt động xã hội, công tác đoàn thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

3. Điểm yếu

Học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học của nhà trường còn hạn chế, các sản phẩm nghiên cứu không đạt giải cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022, Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp trường với tất cả các môn để giúp học sinh phát triển toàn diện và đạt hiệu quả hơn.

Nhà trường, tiếp tục liên kết với Công ty Cổ phần Đầu tư GAIA tổ chức dạy kỹ năng sống (1tiết/tuần) cho học sinh trong thời khóa biểu chính khóa.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: Không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: Không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018 -2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Tỉ lệ học lực giỏi	31,5%	31,5%	30,8%	27,6%	44,4%
Tỉ lệ học lực khá	35,6%	35,6%	37,7%	38,1%	36,3%
Tỉ lệ học lực yếu, kém	5,4%	5,4%	2,7%	8,3%	2,0%
Tỉ lệ hạnh kiểm tốt	88,2%	88,2%	90,6%	87,7%	93,4%
Tỉ lệ hạnh kiểm khá	10,7%	10,7%	8,5%	11,4%	6,0%
Tỉ lệ hạnh kiểm TB	1,1%	1,1%	0,9%	0,8%	0,7%

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-01]; [H5-5.6-03].

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Tỷ lệ học sinh lên lớp (%)	94%	94,6%	97,3%	91,7%	98,0%
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp lớp 9 (%)	100%	100%	98,7%	100%	100%

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Hằng năm, công tác phân luồng vào các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề trên địa bàn chiếm tỷ lệ 100%. Nội dung giáo dục hướng nghiệp được tích hợp qua các môn học như Công nghệ, Nghề, Giáo dục công dân [H5-5.4-01]; [H5-5.6-04].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (tỷ lệ học sinh khá, giỏi trên 81%; tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá trên 98,4%) [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại đạt trên 99,18%; tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp đạt 100% [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi của trường đạt 45,08% [H5-5.6-02].

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá của trường đạt 38,19% [H5-5.6-02].

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tính đến thời

điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu, kém của trường đạt 1,27% [H5-5.6-02].

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường đạt trên 99% [H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban

Tỷ lệ học sinh bỏ học của trường [H5-5.6-02]

Năm học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Tỷ lệ học sinh bỏ học	0.56%	0,50%	0,50%	1,20%	1,90%

Tỷ lệ học sinh lưu ban của trường [H5-5.6-03]

Năm học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Tỷ lệ học sinh lưu ban	3,21%	3,18%	0,70%	0,40%	0,00%

2. Điểm mạnh

Là trường Trung học cơ sở có chất lượng đào tạo tốt với tỉ lệ học sinh khá, giỏi trên 81%. Đa số học sinh của trường thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh được Điều lệ trường trung học quy định. Số học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 99%.

Là trường Trung học cơ sở có chất lượng giáo dục đạt hiệu quả cao của huyện Hóc Môn với tỉ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%, góp phần cho huyện Hóc Môn đạt được tiêu chuẩn về phổ cập giáo dục bậc Trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Tình trạng học bỏ học còn nhiều do thiếu sự quan tâm của gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, học sinh học kém, ham chơi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giảm dần tỉ lệ học sinh bỏ học. Tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và địa phương vận động học sinh bỏ học ra lớp, không để học sinh bỏ học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh nổi bật: Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, kết quả đạt được ở mức cao và ổn định.

- Điểm yếu cơ bản: Còn một số ít học sinh thiếu sự quan tâm của gia đình nên

đạo đức còn hạn chế, kết quả học tập chưa cao.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.
- Số tiêu chí đạt Mức 1: 06/06
- Số tiêu chí đạt Mức 2: 01/06
- Số tiêu chí đạt Mức 3: 00/06

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển toàn diện, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8/ năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 tự đánh giá mức độ chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

- | | |
|---|---------------|
| - Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 | tỉ lệ: 100 % |
| - Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 | tỉ lệ: 00 % |
| - Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 11/28 | tỉ lệ: 39.3 % |
| - Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 17/28 | tỉ lệ: 60.7 % |
| - Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 00/20 | tỉ lệ: 00 % |
| - Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 20/20 | tỉ lệ: 100 % |
| - Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1: Mức 1; | |
| - Trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1. | |

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Trung học cơ sở Tam Đông 1 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông./.

Hóc Môn, ngày 20 tháng 9 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Hương Giang

Phần IV. Phụ lục
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Kế hoạch số .../KH-TĐ1 ngày tháng .. năm 20..	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.1-02]	Biên bản niêm yết phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm 20..	Văn thư	Văn thư
	3	[H1-1.1-03]	Sở nghị quyết/quyết định nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng	Văn thư
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm 2020	Ban thanh tra nhân dân	Công đoàn
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản kiểm tra giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Ban thanh tra nhân dân	Công đoàn
	6	[H1-1.1-06]	Kế hoạch bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường.	Số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ...năm 202.	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Văn thư
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Kế hoạch hoạt động Hội đồng trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng trường	Văn thư
	4	[H1-1.2-04]	Biên bản sinh hoạt Hội đồng trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng trường	Văn thư
	5	[H1-1.2-05]	Nghị quyết của Hội đồng trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng trường	Văn thư
	6	[H1-1.2-06]	Cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng trường	Văn thư

	7	[H1-1.2-07]	Biên bản xây dựng tiêu chí thi đua hằng năm của Hội đồng trường và hội đồng Thi đua, khen thưởng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Văn thư
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn cơ sở	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Công đoàn	Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn TNCS HCM.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Chi đoàn	Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Liên đội Thiếu niên Tiền phong Thành phố Hồ Chí Minh	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Liên đội, Hội đồng đội	Liên đội
	4	[H1-1.3-04]	Sổ hợp các đoàn thể.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Các đoàn thể	Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn
	5	[H1-1.3-05]	Sổ kế hoạch Liên Đội.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018	Tổng phụ trách Đội	Đội

				Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
6	[H1-1.3-06]	Biên bản đánh giá, xếp loại các tổ chức Đoàn thể.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hội đồng Đội Công đoàn, Chi Đoàn	Đoàn thể	
7	[H1-1.3-07]	Phong trào trao học bổng cho học sinh khó khăn.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Liên đội, Hội đồng đội	Liên đội	
8	[H1-1.3-08]	Hồ sơ Hội Khuyến học.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	
9	[H1-1.3-09]	Hồ sơ Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Chi bộ, Đảng ủy xã Thới Tam Thôn	Chi bộ	
10	[H1-1.3-10]	Quyết định đánh giá, xếp loại Chi bộ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Chi bộ, Đảng ủy xã Thới Tam Thôn	Chi bộ	

				Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ Hiệu trưởng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ Phó Hiệu trưởng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn và tổ trưởng tổ văn phòng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ chuyên đề chuyên môn.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Sổ tổ, nhóm.	Năm học 2016 - 2017	Tổ trưởng, nhóm	Phó Hiệu

				Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	trưởng	trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Báo cáo tổng kết.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Giám thị	Giám thị
	2	[H1-1.5-02]	Sổ gọi tên và ghi điểm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Học vụ	Văn thư
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư
	4	[H1-1.5-04]	Biên bản, giáo án hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019	Giáo viên chủ nhiệm	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản tài chính, công văn đi, đến.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Dự toán ngân sách hằng năm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Biên bản tự kiểm tra tài chính của đơn vị.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Kế toán

	6	[H1-1.6-06]	Biên bản cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng	Kế toán
	7	[H1-1.6-07]	Biên bản kiểm tra tài chính của cấp trên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phòng tài chính	Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Báo cáo tài chính định kỳ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	10	[H1-1.6-10]	Các tờ trình, văn bản đề nghị của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	11	[H1-1.6-11]	Hồ sơ thanh tra tài chính.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Kế toán

				Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.7-02]	Bản mô tả công việc theo vị trí việc làm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Cán bộ quản lý, Giáo viên, Công nhân viên	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên kế toán	Kế toán
	5	[H1-1.7-05]	Biên bản Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Thư ký Hội đồng	Văn thư

				Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục năm học.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch cá nhân của giáo viên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Hồ sơ thi đua.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Công đoàn
	5	[H1-1.8-05]	Sổ ghi đầu bài.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên học vụ	Văn thư
Tiêu chí	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường.	Năm học 2016 - 2017	Hiệu trưởng	Công đoàn

1.9				Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.9-03]	Kế hoạch giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Công đoàn
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án về đảm bảo an ninh trật tự, phòng tránh cháy nổ, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm và tệ nạn xã hội.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Y tế
	2	[H1-1.10-02]	Hình ảnh tọa đàm với học sinh, tiếp công dân, hộp thư góp ý của học sinh, phụ huynh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019	Phó Hiệu trưởng	TPT

				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
	3	[H1-1.10-03]	Biên bản kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên y tế	Y tế
	4	[H1-1.10-04]	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Bảo vệ	Văn thư
	5	[H1-1.10-05]	Hình ảnh diễn tập phòng cháy chữa cháy.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	TPT
	6	[H1-1.10-06]	Kế hoạch liên tịch với công an phường nhằm đảm bảo trật tự trước cổng trường, đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Phiếu đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hằng năm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn	Văn thư

	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục của cán bộ quản lý.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn thư
	3	[H2-2.1-03]	Biên bản lấy ý kiến tín nhiệm của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của cán bộ quản lý.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Hội đồng	Văn thư
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ của giáo viên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Kết quả đánh giá viên chức hằng năm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Ủy ban nhân dân Huyện Hóc môn	Văn thư
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Bảng thống kê trình độ của nhân viên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018	Văn thư	Văn thư

				Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ nhân viên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Văn thư	Văn thư
	3	[H2-2.3-03]	Bản kê khai công việc tổ văn phòng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Văn thư	Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hồ sơ tuyển sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Học vụ	Văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Biên bản họp phụ huynh học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư
	3	[H2-2.4-03]	Quyết định khen thưởng giáo viên, học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Văn thư

				Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ pháp lý - Quyết định giao đất cho nhà trường. - Bản vẽ sơ đồ tổng thể của nhà trường. - Hình ảnh minh họa.	Năm 2006	Kế toán	Văn thư
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên trường, phòng học, phòng chức năng.	Năm 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh khu vực sân chơi, bãi tập.	Năm 2021	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Kế toán	Thiết bị
	2	[H3-3.2-02]	Hồ sơ công nhận thư viện đạt chuẩn.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên thư viện	Thư viện
	3	[H3-3.2-03]	Biên bản kiểm kê tài sản từng khối phòng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hợp đồng bảo trì và các chứng từ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Kế toán	Kế toán

				Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên y tế	Y tế
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng nước uống.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Kế toán
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác thải.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Kế toán
	5	[H3-3.4-04]	Báo cáo tổng kết y tế hàng năm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên y tế	Y tế
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường; Sổ mượn thiết bị đồ dùng dạy học.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên Thiết bị	Thiết bị
	2	[H3-3.5-02]	Sổ đăng ký đồ dùng dạy học tự làm.	Năm học 2016 - 2017	Nhân viên Thiết bị	Thiết bị

				Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
	3	[H3-3.5-03]	Sổ kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp của giáo viên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên Thiết bị	Thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Kế hoạch bổ sung đồ dùng thiết bị.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên Thiết bị	Thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng thiết bị dạy học.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên Thiết bị	Thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên thư viện	Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Sổ theo dõi mượn, trả sách.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019	Nhân viên thư viện	Thư viện

				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
	3	[H3-3.6-03]	Kế hoạch công tác, chuyên đề của thư viện.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên thư viện	Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Biên bản kiểm tra thư viện.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Kết quả đánh giá thư viện hằng năm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn	Thư viện
	6	[H3-3.6-06]	Báo cáo tổng kết công tác thư viện.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Nhân viên thư viện	Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư

	2	[H4-4.1-02]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Thư ký Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn thư
	3	[H4-4.1-03]	Văn kiện Đại hội cha mẹ học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường	Văn thư
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn thư
	5	[H4-4.1-05]	Hình ảnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ khen thưởng học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Văn thư	Văn thư
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch hoạt động ngoại khóa.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018	Phó Hiệu trưởng	TPT

				Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh tham quan ngoại khóa.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	TPT
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Tổng phụ trách	TPT
	5	[H4-4.2-05]	Văn bản công nhận nhà trường đạt đơn vị văn hóa.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Văn thư
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Các hình ảnh về sinh hoạt chuyên môn qua trang trực tuyến; bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	TPT
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch kiểm tra học kỳ.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2020 - 2021		
	3	[H5-5.1-03]	Biên bản họp tổ chuyên môn.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng
	4	[H5-5.1-04]	Báo cáo sơ kết từng bộ môn.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	7	[H5-5.1-07]	Kế hoạch giáo dục học sinh hòa nhập khuyết tật.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí	1	[H5-5.2-01]	Sổ theo dõi bồi dưỡng học sinh giỏi.	Năm học 2016 - 2017	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu

5.2				Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Sổ theo dõi phụ đạo học sinh yếu.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Sổ theo dõi giáo dục học sinh hòa nhập.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giáo dục địa phương.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Ngân hàng đề kiểm tra.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Tư liệu giáo dục địa phương.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019	Giáo viên	Giáo viên

				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm trải nghiệm.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch hướng nghiệp, dạy nghề.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Báo cáo đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch tổ chức các cuộc thi cấp trường.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh các hội thi, chuyên đề.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	TPT
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ xét tốt nghiệp THCS.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.6-02]	Hồ sơ xét duyệt học lực, hạnh kiểm học sinh.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.6-03]	Hồ sơ kiểm tra lại.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.6-04]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 10 và phân luồng sau tốt nghiệp THCS.	Năm học 2016 - 2017 Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng